

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

(Điều chỉnh theo Quyết định số: 739/QĐ-ĐHTB-ĐTDH, ngày 20 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tây Bắc)

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành đào tạo: Kế toán
Mã ngành: 7340301
Loại hình đào tạo: Chính quy
Số tín chỉ: 136

1. Mục tiêu

1.1. Mục tiêu chung

Chương trình nhằm đào tạo ra các cử nhân kế toán (kế toán doanh nghiệp, kế toán hành chính sự nghiệp và kế toán tổng hợp) theo hướng tăng cường ứng dụng thực hành, có phẩm chất đạo đức, chính trị tốt, có tác phong và thái độ làm việc chuyên nghiệp, có kiến thức, kỹ năng nghiệp vụ và kỹ năng mềm cần thiết đáp ứng được các yêu cầu công việc trong lĩnh vực tài chính kế toán.

1.2. Mục tiêu cụ thể

Chương trình trang bị cho sinh viên những kiến thức bao gồm kiến thức đại cương, cơ sở ngành và chuyên ngành. Đối với khối kiến thức đại cương, chương trình chủ yếu cung cấp kiến thức về kinh tế chính trị, đường lối của Đảng, tư tưởng Hồ Chí Minh, ngoại ngữ trình độ B1 chuẩn, toán cơ sở... để nâng cao trình độ về chính trị, tư tưởng, đồng thời tạo nền tảng cho việc tiếp thu kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành.

Đối với khối kiến thức cơ sở ngành nhằm mục tiêu trang bị những kiến thức kinh tế cơ bản giúp người học có kiến thức mở rộng về kinh tế và có thể vận dụng thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội, đồng thời là cơ sở cho việc nghiên cứu tiếp thu khối kiến thức chuyên ngành.

Đối với khối kiến thức chuyên ngành, chương trình nhằm mục tiêu cung cấp cho người học những kiến thức chuyên ngành về mặt lý thuyết, thực tế, thực hành chuyên môn. Sao cho khi ra trường sinh viên có thể nắm được các kiến thức cơ bản, chuyên sâu về tài chính, kế toán, đồng thời có thể thực hành làm việc tại các doanh nghiệp và đơn vị hành chính sự nghiệp, các tổ chức khác.

Chương trình đào tạo trang bị các kỹ năng nghề nghiệp và kỹ năng mềm cho người học làm được công việc kế toán ở mọi vị trí phân hành của bộ máy kế toán và các công việc khác trong các doanh nghiệp, đơn vị hành chính sự nghiệp, xã, phường, HTX, các tổ chức khác.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Kiến thức

Thứ nhất, có kiến thức lý thuyết toàn diện, chuyên sâu trong lĩnh vực tài chính kế toán. Đồng thời, có kiến thức thực tế vững chắc để có thể giải quyết các công việc phát sinh trong thực tế trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Thứ hai, có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật thông qua khối lượng kiến thức cung cấp từ các học phần đại cương và cơ sở ngành, trong đó người học có kiến thức về pháp luật trong tài chính và kế toán như: Nắm vững kiến thức về Luật và Chế độ, chính sách tài chính, kế toán hiện hành. Đồng thời, có kiến thức về đạo đức nghề nghiệp trong lĩnh vực tài chính kế toán.

Thứ ba, có kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc thông qua kiến thức cung cấp từ các học phần tin học, các học phần cần ứng dụng phần mềm và tìm kiếm tri thức từ công cụ công nghệ thông tin.

Thứ tư, có kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát quá trình thực hiện công việc trong lĩnh vực tài chính kế toán và lĩnh vực công việc khác trong đơn vị.

2.2. Kỹ năng

Có kỹ năng vận dụng chuyên môn ứng dụng thực tiễn: Người học đạt được các kỹ năng nghề nghiệp cơ bản đối với ngành kế toán như: Kỹ năng tổ chức, phân công công việc; tổ chức hệ thống chứng từ, hệ thống tài khoản kế toán; tổ chức hệ thống sổ kế toán và báo cáo tài chính. Có kỹ năng đọc, hiểu và truyền đạt các văn bản liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán.

Có các kỹ năng hỗ trợ chuyên môn: Đạt được kỹ năng ngoại ngữ và kỹ năng tin học đáp ứng nhu cầu công việc, sử dụng thành thạo các phần mềm kế toán; biết viết và trình bày báo cáo; biết ứng dụng công nghệ thông tin để tìm kiếm tài liệu, các văn bản, quy định hiện hành liên quan đến lĩnh vực tài chính kế toán;

Có kỹ năng tương tác: Người học đạt được kỹ năng cơ bản làm việc nhóm, làm việc độc lập; biết xây dựng và phát triển mối quan hệ với tập thể, có kỹ năng giao tiếp, ứng xử cần thiết, biết thuyết trình, thuyết phục người nghe, phản biện, giải quyết tình huống và các vấn đề liên quan lĩnh vực tài chính kế toán và lĩnh vực khác trong mọi tổ chức kinh tế xã hội.

Có kỹ năng tự nâng cao năng lực cá nhân: Người học có khả năng tự học, tự nghiên cứu nâng cao trình độ chuyên môn dựa trên những kiến thức nền tảng đã được trang bị. Có khả năng tự phát hiện, xét đoán và giải quyết các vấn đề phát sinh trong hoạt động tài chính kế toán và các hoạt động khác của đơn vị.

2.3. Phẩm chất đạo đức

Chương trình xây dựng nhằm đào tạo ra những cử nhân trình độ Đại học kế toán có phẩm chất, tư tưởng chính trị tốt, có nhận thức cao về đạo đức nghề nghiệp.

Chương trình nhằm đào tạo ra các cử nhân có thái độ tích cực, đam mê cống hiến nghề nghiệp kế toán, chủ động sáng tạo trong học tập và giải quyết các công việc trong thực tiễn sau khi tốt nghiệp ra trường, có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc, tuân thủ quy định tài chính kế toán theo Luật và Chế độ, chính sách hiện hành.

2.4. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

Có năng lực tổ chức thực hiện công việc và chịu trách nhiệm về kết quả công việc, tự chủ được công việc và có thể hướng dẫn cho người khác làm công việc chuyên môn về tài chính kế toán. Có thể định hướng, ra kết luận chuyên môn về tài chính kế toán, bảo vệ kết quả chuyên môn và quan điểm về kế toán. Có khả năng điều hành, điều phối công việc, phát huy trí tuệ tập thể. Có năng lực đánh giá, cải thiện hiệu quả công việc kế toán và công việc khác trong đơn vị.

2.5. Vị trí việc làm của sinh viên ra trường

Sinh viên sau khi ra trường có thể đảm nhiệm nhiều vị trí, vai trò khác nhau để làm những công việc liên quan đến tài chính kế toán và các công việc khác trong các doanh nghiệp, trong đơn vị HCSN, đơn vị xã, phường, thị trấn, hợp tác xã và các tổ chức khác hoặc tự khởi sự kinh doanh, lập nghiệp trong lĩnh vực kinh tế. Cụ thể như:

+ Đảm nhận các vị trí kế toán tương ứng với các phân hành: Kế toán vật tư, Kế toán TSCĐ, Kế toán thuế, Kế toán thanh toán, Kế toán tiền lương, Kế toán tổng hợp, Kế toán trưởng tại các đơn vị như: Doanh nghiệp kinh doanh thương mại, Doanh nghiệp sản xuất, Doanh nghiệp xây lắp, Doanh nghiệp thương mại, dịch vụ, đơn vị hành chính sự nghiệp, hợp tác xã, đơn vị xã, phường, thị trấn và các tổ chức khác.

+ Người học có thể đảm nhận các vị trí khác nhau tại Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh của đơn vị.

Ngoài ra, người học có thể tự mở làm dịch vụ Kế toán, tư vấn tài chính, kiểm toán, phân tích kinh doanh cho các tổ chức, đơn vị trên.

3. Khối lượng kiến thức toàn khoá: 135 tín chỉ (*không kể hai học phần: Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng*).

Khối kiến thức chung:	28 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:	98 tín chỉ
Trong đó:	
Kiến thức cơ sở ngành:	38 tín chỉ
Kiến thức ngành:	60 tín chỉ

Thực tập chuyên môn cuối khoá:

10 tín chỉ

4. Đối tượng tuyển sinh: Theo quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Quy trình đào tạo: Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

- Điều kiện tốt nghiệp: Theo quy định của Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ hiện hành.

6. Cách thức đánh giá: Thang điểm 10, thang điểm 4 và thang điểm chữ.

7. Nội dung chương trình

TT	Mã học phần	Tên học phần	Số TC	Loại tiết tín chỉ				Học phần tiên quyết
				Lên lớp		TS tiết (x hệ số)	Tự học	
				LT	TH			
1. Khối kiến thức chung			28	(không kể GDTC và GDQP)				
Bắt buộc			25					
1	LNL0038	Triết học Mác - Lênin	3	42	3	48		
2	LNL0039	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	28	2	32		
3	LNL0040	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	28	2	32		
4	LTD0044	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	28	2	32		
5	LTU0001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	28	2	32		
6	LPL0001	Pháp luật đại cương	2	25	5	35	60	
7	NTA0001	Tiếng Anh 1	5	75			150	
8	NTA0002	Tiếng Anh 2	5	75			150	NTA0001
9	TTH0002	Tin học cơ sở	3	30	15	60	90	
10	GDQ0001	Giáo dục quốc phòng				165		
11	GDT0001	Giáo dục thể chất 1	1	5	10	25	30	
12	GDT0002	Giáo dục thể chất 2	2		30	60	60	GDT0001
Tự chọn 1			2					
13	SVH0001	Văn hóa Tây Bắc	2	27	3	33	60	
	VVN0001	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	25	5	35	60	
	VTV0008	Tiếng việt thực hành	2	25	5	35	60	
	LTD0029	Xã hội học nông thôn	2	30		30	90	
	TTH0003	Tin học nâng cao	2	20	10	40	60	TTH0002
	TDH0015	Đại số tuyến tính	2	20	10	40	60	
	TGT0003	Giải tích	2	20	10	40	60	
TGT0030	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	2	20	10	40	60		

2. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			108					
2.1. Kiến thức cơ sở ngành			38					
Bắt buộc			28					
14	KIT0038	Kinh tế vi mô	3	40	5	55	90	
15	KIT0039	Kinh tế vĩ mô	3	41	4	49	90	
16	KQT0034	Marketing căn bản	3	30	15	60	90	
17	KIT0041	Luật kinh tế	3	45		45	90	
18	KIT0040	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	40	5	50	90	
19	KQT0033	Quản trị văn phòng	4	45	15	75	120	
20	KIT0014	Tài chính doanh nghiệp	3	45		45	90	
21	KIT0018	Thuế	3	45		45	90	
22	TMT005 0	Tin học ứng dụng	3	45		45	90	
Tự chọn 2, 3, 4, 5, 6			10	Chọn học 5 trong số các học phần sau				
23 24 25 26 27	NTA0003	Tiếng Anh 3	5	75		75	150	
	KIT0009	Lịch sử kinh tế quốc dân	3	30	15	60	90	
	KIT0032	Phân tích hoạt động kinh doanh	2	30		30	60	
	KIT0037	Lịch sử các học thuyết kinh tế	2	25	5	35	60	
	KIT0024	Kinh tế phát triển	2	25	5	35	60	
	KIT0025	Kinh tế quốc tế	2	19	11	41	60	
	KIT0026	Dân số và phát triển	2	30		30	60	
	KIT0027	Kinh tế và quản lý môi trường	2	30		30	60	
	KIT0028	Lập và quản lý dự án đầu tư	2	25	5	35	60	
	KIT0029	Thị trường chứng khoán	2	25	5	35	60	
	KIT0030	Kinh tế đầu tư	2	25	5	35	60	
	KQT0036	Tổ chức sự kiện	2	18	12	42	60	
	KQT0065	Quản trị mối quan hệ khách hàng	2	25	5	35	60	
	KQT0037	Phương pháp nghiên cứu kinh doanh	2	18	12	42	60	
	KQT0012	Ứng dụng phương pháp tối ưu	2	30		30	60	
KIT0031	Kinh tế lượng	2	30		30	60		
NNT0047	Tiếng Anh kinh tế và kinh doanh	4						
2.2. Kiến thức chuyên ngành			70					
2.2.1. Kiến thức chung của ngành			60					
Bắt buộc			24					
28	KTT0001	Lý thuyết hạch toán kế toán	4	60		60	120	

29	KTT0025	Luật và Chế độ kế toán	2	30		30	60	
30	KTT0035	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4	60		60	120	KTT0001
31	KTT0026	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	45		45	90	KTT0001
32	KTT0006	Kế toán công	3	45		45	90	KTT0001
33	KTT0036	Kế toán quản trị doanh nghiệp	3	45		45	90	KTT0001
34	KTT0037	Lý thuyết kiểm toán	3	45		45	90	KTT0001
35	KTT0038	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	2	30		30	60	KTT0001
Tự chọn 7, 8, 9, 10, 11, 12			18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán tổng hợp (chọn học 6 trong số các học phần sau)				
36 37 38 39 40 41	KTT0010	Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	45		45	90	KTT0035
	KTT0013	Thực hành kế toán Công	3	45		45	90	KTT0006
	KTT0015	Kế toán ngân sách	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0019	Kế toán thuế	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0044	Kế toán Ngân hàng	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0045	Tổ chức hạch toán kế toán trong DN	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0046	Tổ chức hạch toán kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp	3	45		45	90	KTT0006
	KTT0027	Kế toán trong một số đơn vị đặc thù	3	45		45	90	KTT0001
Tự chọn 7, 8, 9, 10, 11, 12			18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán Doanh nghiệp (chọn học 6 trong số các học phần sau)				
36 37 38 39 40 41	KTT0010	Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	45		45	90	KTT0035
	KTT0013	Thực hành kế toán Công	3	45		45	90	KTT0006
	KTT0015	Kế toán ngân sách	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0019	Kế toán thuế	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0044	Kế toán Ngân hàng	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0045	Tổ chức hạch toán kế toán trong DN	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0027	Kế toán trong một số đơn vị đặc thù	3	45		45	90	KTT0001
Tự chọn 7, 8, 9, 10, 11, 12			18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán hành chính sự nghiệp (chọn học 6 trong số các học phần sau)				
36	KTT0010	Thực hành kế toán doanh nghiệp sản xuất	3	45		45	90	KTT0035
	KTT0013	Thực hành kế toán Công	3	45		45	90	KTT0006
	KTT0015	Kế toán ngân sách	3	45		45	90	KTT0001
	KTT0019	Kế toán thuế	3	45		45	90	KTT0001

37	KTT0044	Kế toán Ngân hàng	3	45		45	90	KTT0001
38	KTT0046	Tổ chức hạch toán kế toán trong đơn vị hành chính sự nghiệp	3	45		45	90	KTT0006
39								
40	KTT0027	Kế toán trong một số đơn vị đặc thù	3	45		45	90	KTT0001
41								
Tự chọn 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21			18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán tổng hợp (chọn học 9 trong số các học phần sau)				
42 43 44 45 46 47 48 49 50	KTT0039	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0008	Kế toán máy doanh nghiệp	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0009	Kế toán máy đơn vị hành chính sự nghiệp	2	30		30	60	KTT0006
	KTT0011	Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	2	30		30	60	KTT0038
	KTT0012	Thực hành kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0040	Kiểm toán tài chính	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0041	Kế toán quốc tế	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0042	Kế toán công ty	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0043	Kiểm toán nghiệp vụ	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0047	Đề án kế toán doanh nghiệp	2		30	90	60	KTT0035
	KTT0048	Đề án kế toán HCSN	2		30	90	60	KTT0006
	KTT0032	Kế toán máy doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	30		30	60	KTT0026
	KTT0028	Thực tập 1	2		30	90	60	KTT0001
	KTT0029	Thực tập 2	2		30	90	60	KTT0001
	KTT0030	Thực tập 3	2		30	90	60	KTT0001
KTT0031	Thực tập 4	2		30	90	60	KTT0001	
Tự chọn 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21			18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán doanh nghiệp (chọn học 9 trong số các học phần sau)				
42 43 44 45 46 47 48 49 50	KTT0039	Kế toán tài chính doanh nghiệp 3	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0008	Kế toán máy doanh nghiệp	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0011	Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	2	30		30	60	KTT0038
	KTT0012	Thực hành kế toán doanh nghiệp xây lắp	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0040	Kiểm toán tài chính	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0041	Kế toán quốc tế	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0042	Kế toán công ty	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0043	Kiểm toán nghiệp vụ	2	30		30	60	KTT0001
KTT0047	Đề án kế toán doanh nghiệp	2		30	90	60	KTT0001	

	KTT0032	Kế toán máy doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	30		30	60	KTT0026
	KTT0028	Thực tập 1	2		30	90	60	KTT0001
	KTT0029	Thực tập 2	2		30	90	90	KTT0001
	Tự chọn 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21		18	Học phần tự chọn trong chuyên ngành Kế toán hành chính sự nghiệp (chọn học 9 trong số các học phần sau)				
	KTT0008	Kế toán máy doanh nghiệp	2	30		30	60	KTT0001
	KTT0009	Kế toán máy đơn vị hành chính sự nghiệp	2	30		30	60	KTT0006
	KTT0011	Thực hành kế toán doanh nghiệp thương mại và dịch vụ	2	30		30	60	KTT0038
42	KTT0040	Kiểm toán tài chính	2	30		30	60	KTT0001
43	KTT0041	Kế toán quốc tế	2	30		30	60	KTT0001
44	KTT0042	Kế toán công ty	2	30		30	60	KTT0001
45	KTT0047	Đề án kế toán doanh nghiệp	2		30	90	60	KTT0001
46	KTT0048	Đề án kế toán HCSN	2		30	90	60	KTT0006
47								
48								
49	KTT0032	Kế toán máy doanh nghiệp nhỏ và vừa	2	30		30	60	KTT0026
50	KTT0030	Thực tập 3	2		30	90	60	KTT0001
	KTT0031	Thực tập 4	2		30	90	60	KTT0001
	2.2.2. Thực tập tốt nghiệp		10					
51	KTT0033	Thực tập chuyên môn cuối khoá	10			450		KTT0001
		Tổng cộng	135					

8. Dự kiến kế hoạch đào tạo

8.1. Dự kiến kế hoạch đào tạo (4 năm)

Học kỳ	Học phần	Số tín chỉ	Số tiết chuẩn
I	Tiếng Anh 1	5	75
	Tin học cơ sở	3	45
	Triết học Mác - Lênin	3	45
	Kinh tế vi mô	3	45
	Giáo dục quốc phòng		165
	Giáo dục thể chất 1	1	15
	Pháp luật đại cương	2	30
	Số ĐVTC	16	
	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30
	Tiếng Anh 2	5	75

II	Thuế	3	45
	Kinh tế vĩ mô	3	45
	Quản trị văn phòng	4	60
	Giáo dục thể chất 2	2	30
	Số ĐVTC	19	
III	Lý thuyết tài chính tiền tệ	3	45
	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30
	Luật và chế độ kế toán	2	30
	Lý thuyết hạch toán kế toán	4	60
	Luật Kinh tế	3	45
	Tự chọn 1	2	30
	Tự chọn 2	2	30
	Số ĐVTC	18	
IV	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2	30
	Tự chọn 3	2	30
	Tài chính doanh nghiệp	3	45
	Marketing căn bản	3	45
	Kế toán tài chính doanh nghiệp 1	4	60
	Kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa	3	45
	Tin học ứng dụng	3	45
	Số ĐVTC	20	
V	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30
	Kế toán công	3	45
	Tự chọn 4	2	30
	Tự chọn 5	2	30
	Lý thuyết kiểm toán	3	45
	Tự chọn 6	2	30
	Tự chọn 7	3	45
	Tự chọn 8	3	45
	Kế toán tài chính doanh nghiệp 2	2	30
	Số ĐVTC	22	
VI	Kế toán quản trị doanh nghiệp	3	45
	Tự chọn 9	3	45
	Tự chọn 10	3	45
	Tự chọn 11	3	45

	Tự chọn 12	3	45
	Tự chọn 13	2	30
	Tự chọn 14	2	30
	Số ĐVTC	18	
VII	Tự chọn 15	2	30
	Tự chọn 16	2	30
	Tự chọn 17	2	30
	Tự chọn 18	2	30
	Tự chọn 19	2	30
	Tự chọn 20	2	30
	Tự chọn 21	2	30
	Số ĐVTC	14	
VIII	Thực tập chuyên môn cuối khóa	10	300
	Số ĐVTC	10	

9. Hướng dẫn thực hiện

Quá trình thực hiện chương trình căn cứ vào quy chế hiện hành của Bộ GD&ĐT về đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ, đồng thời căn cứ vào những quy định hiện hành của Trường Đại học Tây Bắc và Bộ Giáo dục và Đào tạo để thực hiện chương trình.

9.1. Về việc xây dựng đề cương chi tiết học phần

Căn cứ vào chỉ đạo thực hiện theo định hướng đào tạo của Trường Đại học Tây Bắc, các Bộ môn xây dựng nội dung chi tiết học phần cần chú ý đến những kiến thức, kỹ năng phục vụ trực tiếp và thiết thực cho việc đào tạo đã định hướng trong chuẩn đầu ra của chương trình.

Ngoài ra, chương trình chi tiết của từng học phần, quá trình thực hiện có thể được đổi mới theo hướng đem lại hiệu quả cao trong đào tạo. Sự thay đổi này phải được thông qua Bộ môn, Khoa và được Ban Giám hiệu phê duyệt.

9.2. Về phương pháp giảng dạy

Phương pháp đào tạo nói chung và phương pháp dạy học nói riêng sẽ hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập với ý thức tự giác, chủ động, tích cực và sáng tạo, gắn liền với thực tiễn, tăng tính ứng dụng nghề nghiệp theo phương pháp cầm tay chỉ việc, cụ thể:

- Sử dụng các hình thức thuyết trình, thảo luận, trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm làm kế toán thực tế, vận dụng làm bài tập ứng dụng, hoạt động nhóm trong học tập.

- Thông qua dạy học các học phần, chú ý đến việc rèn luyện cho sinh viên phương pháp, kỹ năng tự học, kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm, kỹ năng làm công việc kế toán liên quan trong từng học phần đó trong thực tế...

- Trong chương trình, sinh viên ngoài thời gian học trên giảng đường còn có các buổi giao lưu, hội thảo, học qua các cuộc thi về kiến thức chuyên ngành, các buổi thực hành tích lũy kiến thức kỹ năng từ thực tế tham gia công việc cùng các doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức.

9.3. Về đánh giá kết quả học tập

Quy định hiện hành trong Quy chế đào tạo - Trường Đại học Tây Bắc.

HIỆU TRƯỞNG

(Ký tên, đóng dấu)

TS. Đinh Thanh Tâm